

Phụ lục II
KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				Xã Krông Na	Xã Cuôr Knia	Xã Ea Huar	Xã Ea Wer	Xã Tân Hòa	Xã Ea Nuôl	Xã Ea Bar
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(11)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng diện tích (1+2)		151,50	10,47	-	5,51	4,74	10,70	105,73	0,38
1	Đất nông nghiệp	NNP	146,33	8,51	-	5,51	4,74	10,70	102,83	0,08
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,38	-	-	-	0,18	0,02	0,18	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	0,02	-	-	-	-	0,02	-	-
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	13,97	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	122,07	3,91	-	5,51	4,56	10,58	97,43	0,08
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	9,82	4,60	-	-	-	-	5,22	-
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,10	-	-	-	-	0,10	-	-
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5,17	1,96	-	-	0,00	0,00	2,90	0,30
2.1	Đất quốc phòng	CQP	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất an ninh	CAN	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	0,94	0,23	-	-	-	-	0,71	-
	<i>Đất giao thông</i>	DGT	0,23	0,23	-	-	-	-	-	-
	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	DVH	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	DYT	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Đất cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	DGD	0,71	-	-	-	-	-	0,71	-
	<i>Đất cơ sở thể dục-thể thao</i>	DTT	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	DBV	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Đất kho dự trữ quốc gia</i>	DKG	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	DDT	-	-	-	-	-	-	-	-

	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa...	NTD	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đất cơ sở khoa học-công nghệ	DKH	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,35	0,03	-	-	0,00	0,00	0,01	0,30
	Đất chợ	DCH	-	-	-	-	-	-	-	-
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-	-	-	-	-	-	-
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-	-	-	-	-	-	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-	-	-	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	-	-	-	-	-	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	-	-	-	-	-	-	-	-
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,70	1,70	-	-	-	-	-	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-	-	-	-	-	-	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	-	-	-	-	-	-	-	-
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	2,18	-	-	-	-	-	2,18	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-